TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2019/TCDS-ST
Ngày: 04 - 10- 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba và ông Lê Văn Đặng .

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình*** tham gia phiên tòa*:* Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-TCDS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - DSST ngày 20/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-TCDS ngày17/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N(A); Địa chỉ: Số 18 T, khu đô thị M, huyện T, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Đ - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Q (theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của chủ tịch hội đồng thành viên A). Ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Khánh H, chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D, tại văn bản ủy quyền số 310c/QĐ-NHNoQN ngày 21 tháng 02 năm 2019. Địa chỉ: thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là A) - Bà Phạm Thị Khánh H trình bày:

Ngày 29/11/2016, bà Nguyễn Thị N đứng tên vay vốn A chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D tại Hợp đồng tín dụng số 3803- LVA-201602817/HĐTD số tiền cho vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 29/11/2016, lãi suất 10%/năm; phân kỳ trả nợ 03 lần; phương thức trả

lãi 06 tháng/kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống hộ gia đình.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, bà Nguyễn Thị N đã sử dụng tài sản tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 704S/2016/HĐTC ngày 29/11/2016 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 704S/2016/VBTT ngày 29/11/2016 đã ký giữa A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị N, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: A 844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện Q cấp ngày 03/12/1991 số vào sổ số: 02403 QSDĐ/UB-QN mang tên bà Nguyễn Thị N.

Sau khi Ngân hàng khởi kiện, ngày 12/3/2019, bà Nguyễn Thị N đã trả cho A Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D số tiền gốc 50.000.000 đồng. Từ ngày 12/3/2019 đến nay, bà N không trả gốc và lãi cho A theo thỏa thuận.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, A - Chi nhánh huyện Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho A Chi nhánh huyện Q - Phòng Giao dịch D tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 198.169.445 đồng (một trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi là 48.169.445 đồng (nợ lãi trong hạn 45.027.778 đồng; nợ lãi quá hạn 3.141.667 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa A, Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D và bà Nguyễn Thị N cho đến ngày bà Nguyễn Thị N trả nợ xong cho A chi nhánh huyện Q.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A Chi nhánh huyện Q đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản để thu hồi nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: A 844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 03/12/1991 mang tên bà Nguyễn Thị N.

Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Ngày 29/11/2016, bà ký Hợp đồng tín dụng với A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay vốn sản xuất kinh doanh, đời sống; lãi suất vay 10%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, bà đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số A 844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 03/12/1991 mang tên Bà Nguyễn Thị Ng. Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì bà còn nợ Ngân hàng tổng 221.733.334 đồng. Trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi 21.733.334 đồng. Bà đã trả được 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại bà sẽ trả đủ cho Ngân hàng và bà có nguyện vọng xin Ngân hàng giảm tiền lãi, vì hiện nay điều kiện khó khăn, bà đã già yếu không có thu nhập. Nếu Ngân hàng không chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho A, Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D số tiền 198.169.445 đồng (một trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi là 48.169.445 đồng (nợ lãi trong hạn 45.027.778 đồng; nợ lãi quá hạn 3.141.667 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản để thu hồi nợ vay gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: A 844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 03/12/1991 mang tên Bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung Hợp đồng tín dụng vay tiền, yêu cầu trả nợ của Ngân hàng N (A): Ngày 29 tháng 11 năm 2016, bà Nguyễn Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng với A, chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích sản xuất, kinh doanh, đời sống hộ gia đình. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng bà N không trả, ngày 12/3/2019, bà đã trả cho A chi nhánh huyện Q số tiền gốc 50.000.000 đồng. Sau đó, bà N không trả gốc và lãi, A chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng, xử lý tài sản đảm bảo, đôn đốc, kiểm tra, yêu cầu bà N trả nợ, Bà N vẫn không trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị N còn nợ A, Chi nhánh huyện Q - Phòng giao dịch D tổng số tiền: 198.169.445 đồng (một trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi là 48.169.445 đồng (nợ lãi trong hạn 45.027.778 đồng; nợ lãi quá hạn 3.141.667 đồng)

Xét hợp đồng vay vốn giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo thỏa thuận Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 3803- LVA-201602817/HĐTD.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 3803-LVA-201602817/HĐTD ngày 29/11/2016 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 10%/năm. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, sau khi vay tiền cho đến ngày khởi kiện bà N chưa trả nợ gốc, lãi cho A chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Sau kỳ hạn trả nợ cuối cùng, bà N không thanh toán nợ cho A nên A chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Đến ngày 12/3/2019, bà N mới trả được một phần nợ gốc cho A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc bà N phải trả cho A Chi nhánh huyện Q – Phòng giao dịch D số tiền lãi là 48.169.445 đồng (nợ lãi trong hạn 45.027.778 đồng; nợ lãi quá hạn 3.141.667 đồng).

Về yêu cầu của A trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả được số nợ trên thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi vay tiền để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay vốn, giữa A với bà Nguyễn Thị N có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 704S/2016/HĐTC ngày 29/11/2016 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 704S/2016/VBTT ngày 29/11/2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số A 844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1, ví trí tại thôn T, xã H, huyện Q được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 03/12/1991 mang tên Bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ vào các điều 318, 319, 325 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3803 – LAV-201602817 ngày 29/11/2016; Điều 5 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 704S/2016/HĐTC ngày 29/11/2016, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 704S/2016/VBTT ngày 29/11/2016 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của A.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc đối tượng được miễn nghĩa vụ nộp tiền án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N (A). Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho N số tiền: 198.169.445 đồng (một trăm chín mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi là 48.169.445 đồng (nợ lãi trong hạn 45.027.778 đồng; nợ lãi quá hạn 3.141.667 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho N thì N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 704S/2016/HĐTC ngày 29/11/2016 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số 704S/2016/VBTT ngày 29/11/2016, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất số: A844261, có diện tích 510m^2, thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 1, ví trí tại thôn T, xã H, huyện Q được UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 03/12/1991 mang tên bà Nguyễn Thị N.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. N được hoàn trả lại số tiền 5.543.000đ (Năm triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004694 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/10/2019) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường